

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/7/2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung, cấp
dưỡng nuôi con chung, nợ chung và
nợ riêng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Thiệp.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Bạc Thị Thoán - Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2024/TLST- HNGĐ ngày 26/3/2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Quàng Văn B**; Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Lò Thị P**; Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch Ngân hàng C; Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Xuân T** - Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Lò Thị H; Sinh năm: 1961; Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2024, bản tự khai, biên bản ghi lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn anh Quàng Văn B trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lò Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không có đăng ký kết hôn chỉ tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, đã ly thân từ năm 2021. Anh B nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho anh được ly hôn chị Lò Thị P.

- **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:** Trong thời gian chung sống anh, chị có 03 con chung: cháu Quàng Thị T, sinh ngày 08/01/2011, cháu Quàng Thị K, sinh ngày 12/8/2012 và cháu Quàng Văn K1, sinh ngày 24/7/2014. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 cháu. Yêu cầu chị Lò Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Quàng Thị K mỗi tháng 600.000 đồng (Anh B yêu cầu chị Lò Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu là 600.000 đồng/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024.

- **Về tài sản chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản riêng:** Không có.

- **Về nợ chung:** Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C 50.000.000 đồng. Anh Quàng Văn B yêu cầu chị Lò Thị P, bà Lò Thị H mỗi người có trách nhiệm trả 1/3 khoản nợ trên.

- **Về nợ riêng:** Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C 20.000.000 đồng. Anh Quàng Văn B có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ riêng.

*** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Lò Thị P trình bày:**

Về tình cảm: Chị Lò Thị P và anh Quàng Văn B không có đăng ký kết hôn đúng như anh B đã khai. Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh B.

Về con chung: Chị Lò Thị P nhất trí để anh B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 03 cháu Quàng Thị T, sinh ngày 08/01/2011, cháu Quàng Thị K, sinh ngày 12/8/2012 và cháu Quàng Văn K1, sinh ngày 24/7/2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có nợ chung, về việc anh B khai nợ Ngân hàng C 50.000.000 đồng chị không biết vì đã ly thân từ năm 2021, anh B tự đi vay riêng. Chị không nhất trí trả nợ chung.

Về nợ riêng: Không có.

*** Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H trình bày:** Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C 50.000.000 đồng. Bà nhất trí trả 1/3 khoản nợ.

*** Tại các công văn số 54/CV-NHCS ngày 01/4/2024 và công văn số 97/CV-NHCS ngày 03/7/2024 của Phòng giao dịch Ngân hàng C xác nhận:** Anh Quàng Văn B hiện là người đại diện theo ủy quyền có vay Phòng giao dịch Ngân hàng C với số tiền 70.000.000 đồng, mục đích cho vay vốn hộ nghèo và chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Người trực tiếp đứng tên vay là anh Quàng Văn B. Nếu anh B và chị P ly hôn đề nghị Tòa án xem xét buộc anh Quàng Văn B có trách nhiệm trả toàn bộ nợ tổng số tiền là 70.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ anh Quàng Văn B, chị Lò Thị P, Phòng giao dịch Ngân hàng C, bà Lò Thị H không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác,

người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn anh B có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Quảng Văn B có ý kiến về khoản nợ chung nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C 50.000.000 đồng và lãi phát sinh. Anh B nhất trí trả toàn bộ số tiền này và lãi phát sinh. Anh B không yêu cầu chị P và bà Hoa trả nợ số tiền này và lãi phát sinh. Các yêu cầu khởi kiện khác anh giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. (Anh B yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Quảng Thị K mỗi tháng 600.000 đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn chị Lò Thị P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng C và bà Lò Thị H: Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

- *Về hôn nhân:* Xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Quảng Văn B và chị Lò Thị P là quan hệ vợ chồng.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Quàng Thị T, sinh ngày 08/01/2011, cháu Quàng Thị K, sinh ngày 12/8/2012 và cháu Quàng Văn K1, sinh ngày 24/7/2014 cho anh Quàng Văn B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Lò Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Quàng Thị K mỗi tháng 600.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu Quàng Thị K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản riêng*: Không có.

- *Về nợ chung*: Buộc anh Quàng Văn B có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi Ngân hàng yêu cầu trả nợ.

Chấp nhận việc anh Quàng Văn B không yêu cầu chị Lò Thị P, bà Lò Thị H trả nợ 50.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- *Về nợ riêng*: Buộc anh Quàng Văn B có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi Ngân hàng yêu cầu trả nợ.

- *Về án phí*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và án phí nghĩa vụ về nợ chung cho anh Quàng Văn B.

Miễn án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lò Thị P.

* *Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn anh Quàng Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng*: Bị đơn chị Lò Thị P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng C, bà Lò Thị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh Quàng Văn B, chị Lò Thị P trình bày: Giữa anh chị đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không có đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, đã ly thân từ năm 2021. Nay anh B xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng, giải quyết ly hôn với chị P.

Theo kết quả biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xác nhận giữa anh Quàng Văn B và chị Lò Thị P không có đăng ký kết hôn.

Vì vậy anh Quàng Văn B, chị Lò Thị P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “ *Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “ *Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*”.

Do đó đây là cuộc hôn nhân không hợp pháp và không được pháp luật bảo vệ, quan hệ giữa anh Quàng Văn B và chị Lò Thị P không được công nhận là quan hệ vợ chồng.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có 03 con chung: cháu Quàng Thị T, sinh ngày 08/01/2011, cháu Quàng Thị K, sinh ngày 12/8/2012 và cháu Quàng Văn K1, sinh ngày 24/7/2014. Nay ly hôn anh B đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 cháu. Chị Lò Thị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cháu Quàng Thị K mỗi tháng 600.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024. Chị Lò Thị P nhất trí giao 03 cháu cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên, xem xét anh B có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con hàng ngày. Tại biên bản ghi ý kiến cháu Quàng Thị T, cháu Quàng Thị K, cháu Quàng Văn K1 đều có ý kiến từ khi bố mẹ ly thân từ năm 2021 các cháu đều do anh B nuôi dưỡng, đều có nguyện vọng ở với bố. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Chấp nhận đề nghị của anh Quàng Văn B và chị Lò Thị P là giao 03 con chung: cháu Quàng Thị T, sinh ngày 08/01/2011, cháu Quàng Thị K, sinh ngày 12/8/2012 và cháu Quàng Văn K1, sinh ngày 24/7/2014 cho anh B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ điều kiện hoàn cảnh thực tế chị P đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không có thời gian chăm sóc con, anh B là người

chăm sóc 03 cháu từ đó cho đến nay, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có việc làm ổn định, chỉ sản xuất nông nghiệp, chủ yếu đi làm thuê thu nhập bình quân khoảng 6.000.000 đồng. Do đó việc anh B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 03 cháu sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Việc anh B yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cháu Quảng Thị K, sinh ngày 12/8/2012 mỗi tháng là 600.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Do đó chị P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Quảng Thị K mỗi tháng là 600.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế, thu nhập của chị P, là hợp tình, hợp lý phù hợp quy định tại Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Quảng Văn B khai có nợ chung là: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh. Anh B tự nguyện trả toàn bộ khoản nợ này là hoàn toàn phù hợp với ý kiến đề nghị của Phòng giao dịch Ngân hàng C xét thấy cần chấp nhận. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần buộc anh Quảng Văn B có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này và lãi phát sinh vận dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận việc anh Quảng Văn B không yêu cầu chị Lò Thị P, bà Lò Thị H trả nợ và lãi phát sinh. Do đó chị Lò Thị P, bà Lò Thị H không phải trả nợ 50.000.000 đồng và lãi phát sinh.

[7]. Về nợ riêng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Quảng Văn B khai có nợ riêng là: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh. Anh B tự nguyện trả toàn bộ khoản nợ này là phù hợp với ý kiến đề nghị của Phòng giao dịch Ngân hàng C xét thấy cần chấp nhận. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần buộc anh Quảng Văn B có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này và lãi phát sinh vận dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[8]. Về án phí: Anh B, chị P đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, án phí nghĩa vụ về nợ chung, nợ riêng cho anh Quảng Văn B. Miễn án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lò Thị P.

[9]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Quảng Văn B và chị Lò Thị P là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao 03 cháu Quảng Thị T, sinh ngày 08/01/2011, cháu Quảng Thị K, sinh ngày 12/8/2012 và cháu Quảng Văn K1, sinh ngày 24/7/2014 cho anh Quảng Văn B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị P phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Quảng Thị K mỗi tháng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2024 đến khi cháu Quảng Thị K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

4. Về nợ chung:

Tuyên xử buộc anh Quảng Văn B có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đến khi có yêu cầu trả nợ.

Chấp nhận việc anh Quảng Văn B không yêu cầu chị Lò Thị P, bà Lò Thị H trả nợ và lãi phát sinh. Do đó chị Lò Thị P, bà Lò Thị H không phải trả nợ 50.000.000 đồng và lãi phát sinh.

5. Về nợ riêng:

Tuyên xử buộc anh Quảng Văn B có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đến khi có yêu cầu trả nợ.

6. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, án phí nghĩa vụ về nợ chung, nợ riêng cho anh Quàng Văn B.

Miễn án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lò Thị P.

7. Về quyền kháng cáo: Anh Quàng Văn B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Lò Thị P, Phòng giao dịch Ngân hàng C, bà Lò Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

